

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18-3-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Minh Hùng.

2. Ông Ma Quốc Thể.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/3/2022, ngày 17/3/2022 và ngày 18/3/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Khánh C** – Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa; Vắng mặt tại phần tuyên án.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông **Hoàng Nam X** – Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Nam X: **Công ty Luật TNHH MTV SLC**; Địa chỉ: BT 16A3 – 12 Làng Việt kiều Châu Âu, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Nam X: Ông **Nguyễn Anh Đức** và ông **Lê Ngọc Trung**; Chức vụ: Chuyên viên thuộc Công ty Luật TNHH MTV SLC; Địa chỉ: BT 16A3 – 12 Làng Việt kiều Châu Âu, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Ông Đức, ông Trung có mặt tại phiên tòa; Vắng mặt tại phần tuyên án.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Thị Hồng A** – Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Khánh C vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Ông C xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên ông C khởi kiện xin ly hôn với bà T tại Tòa án để mỗi người có một cuộc sống riêng. Ông C và bà T thống nhất được với nhau về việc ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C và bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung.

- Cháu Nguyễn Khánh L – Sinh ngày: 26/8/2010.

- Cháu Nguyễn Bảo K – Sinh ngày 23/11/2015.

Ông Nguyễn Khánh C có quan điểm sau khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Khánh L và cháu Nguyễn Bảo K cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L và cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Ông C và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Nguyễn Khánh C xác định không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trọng: Ông C đã nhận được Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ông C nhất trí với nội dung quyết định và không có ý kiến gì thêm.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Nam X: Ông Nguyễn Khánh C xác định đó là công nợ riêng của bà T chứ không phải là công nợ chung của vợ chồng. Hai vợ chồng ông C, bà T không thống nhất được với nhau về việc làm ăn kinh tế, việc làm ăn của bà T thì ông C có được biết và đã ngăn cản bà T nhiều lần nhưng bà T không dừng lại, do vậy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã tách nhau làm ăn riêng từ lâu nên việc kinh doanh của bà T là kinh doanh riêng. Bản thân ông không được giao dịch, thỏa thuận làm ăn, vay mượn cũng không được nhận hay sử dụng số tiền vay này.

Ông C không được tham gia chốt nợ và cũng không được ký vào Giấy cam kết trả nợ ngày 02/12/2018. Đối với số tiền bà T vay của ông X, bà T1, ông C xác định không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do vậy, ông Nguyễn Khánh C không có trách nhiệm thanh toán khoản nợ của ông X cùng bà T.

*Theo Biên bản lấy lời khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nay ông C có đơn xin ly hôn với bà T, bà T nhất trí ly hôn với ông C để mỗi người có một cuộc sống riêng. Bà T đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C và bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung.

- Cháu Nguyễn Khánh L – Sinh ngày: 26/8/2010.

- Cháu Nguyễn Bảo K – Sinh ngày 23/11/2015.

Bà Nguyễn Thị T có quan điểm sau khi ly hôn, sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh L và cháu Nguyễn Bảo K đến khi cháu L và cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về phân cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trọng: Bà T đã nhận được Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà T nhất trí với nội dung quyết định và không có ý kiến gì thêm.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Nam X: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018, bà T có được nhiều lần vay tiền của ông X để lấy vốn để làm ăn. Ông X đã chuyển tiền vay cho bà bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản và trực tiếp đưa tiền mặt. Các lần vay mượn đều không lập giấy tờ văn bản và không có ai làm chứng. Đến ngày 02/12/2018, bà T và ông X, bà T1 chốt số tiền còn nợ lại là 1.880.000.000đ và bà T đã viết Giấy cam kết trả nợ với nội dung: Bà T sẽ thanh toán cho ông X và bà T1 số tiền 1.880.000.000đ. Bà T xác định: Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế nên việc làm ăn của bà, ông C không can thiệp, một mình bà kinh doanh riêng. Giấy cam kết trả nợ ngày 02/12/2018 là do bà T tự tay viết và ký, ông C không tham gia chốt nợ và cũng không ký vào văn bản này. Từ sau khi cam kết đến tháng 4/2020, bà T thanh toán cho ông X số tiền 29.000.000đ. Đối với khoản nợ của ông X là do một

mình bà T vay để làm vốn kinh doanh riêng nên bà T sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A toàn bộ số tiền nêu trên và tiền lãi theo quy định.

*Theo Biên bản lấy lời khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Nam X; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X là ông Nguyễn Anh Đức và ông Lê Ngọc Trung vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày:*

Ông Hoàng Nam X và ông Nguyễn Khánh C, bà Nguyễn Thị T có mối quan hệ là hàng xóm thân thiết với nhau nên ông X đã cho ông C, bà T vay tiền để đầu tư kinh doanh. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 cho đến tháng 5/2018, ông Hoàng Nam X nhiều lần cho ông Nguyễn Khánh C, bà Nguyễn Thị T vay tiền thông qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản cho ông C, bà T. Số tiền ông Hoàng Nam X và vợ ông X là bà Phạm Thị Hồng A chuyển khoản cho ông Nguyễn Khánh C, bà Nguyễn Thị T vay là 3.358.600.000đ (chuyển khoản 20 lần). Ngày 24/5/2018, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khánh C gọi điện thoại, nhắn tin cho ông X nhờ ông cho vay thêm 280.000.000đ (mục đích để mua ô tô). Ông X đã cho ông C và bà T vay số tiền 280.000.000đ bằng tiền mặt. Tổng số tiền ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T nợ ông Hoàng Nam X là 3.638.600.000đ (đây là tài sản chung của ông X và bà T1). Khi chuyển khoản và giao tiền, các bên không lập giấy tờ gì và cũng không có ai làm chứng. Sau đó, ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần thanh toán bằng tiền mặt cho ông Hoàng Nam X. Tổng số tiền, ông C và bà T đã thanh toán cho ông X là 1.758.600.000đ. Số tiền ông C và bà T còn nợ lại ông X là 1.880.000.000đ.

Do ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T không thừa nhận vay tiền của ông Hoàng Nam X. Ngày 12/11/2018, ông X làm đơn gửi Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang để xác minh làm rõ hành vi lừa đảo Cầm đoạt tài sản của bà T và ông C. Sau đó, ông C và bà T đã gặp ông X thừa nhận có vay tiền của ông X và hứa sẽ trả lại số tiền 1.880.000.000đ cho ông X. Ngày 02/12/2018, bà Nguyễn Thị T viết Giấy cam kết trả nợ với nội dung: Ông C và bà T cam kết sẽ thanh toán cho ông X và bà T1 số tiền 1.880.000.000đ. Trong năm 2019, ông C và Thảo sẽ thanh toán cho ông X số tiền 280.000.000đ. Số tiền còn lại, ông C và bà T sẽ thanh toán cho ông X trong 05 năm tiếp theo tính từ năm 2020. Từ sau khi cam kết cho đến tháng 4/2020, ông C và bà T thanh toán cho ông X được số tiền 29.000.000đ. Sau đó, ông C và bà T không thanh toán tiền cho ông X như đã cam kết nữa. Ông X đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông C, bà T thanh toán tiền nhưng ông C chối không vay nợ và không trả tiền cho ông X. Ông Hoàng Nam X đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A số tiền còn nợ gốc còn lại là 1.851.000.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày 22/4/2020 đến 16/3/2022 là 693 ngày với lãi suất 10%/năm là 351.436.438đ. Tổng số tiền ông yêu cầu ông C, bà T phải thanh toán là 2.202.436.438đ (Hai tỷ hai trăm linh hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

*Theo Biên bản lấy lời khai tại Tòa án và Đơn xin giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng A trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 cho đến tháng 5/2018, ông Hoàng Nam X có cho ông Nguyễn Khánh C, bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền là 3.638.600.000đ, trong đó có 3.358.600.000đ là chuyển khoản (20 lần) và 280.000.000đ là giao tiền mặt. Tính đến ngày 02/12/2018, ông C và bà T đã thanh toán được 1.758.600.000đ, còn nợ lại là 1.880.000.000đ. Sau đó, bà T có viết Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 02/12/2018. Từ sau khi cam kết cho đến tháng 4/2020, ông C và bà T thanh toán cho ông X được số tiền 29.000.000đ. Bà T1 xác định số tiền cho vợ chồng ông bà T C vay là tài sản chung của bà và ông X, tuy nhiên việc thỏa thuận, giao dịch vay mượn nêu trên chủ yếu là do ông X thực hiện. Bản thân bà có được một vài lần chuyển tiền cho một số người theo yêu cầu của ông X nhưng việc hợp tác làm ăn, thỏa thuận vay vốn giữa ông X và ông C, bà T như thế nào thì bà không nắm rõ. Bà T1 xác định việc vay mượn tiền không lập văn bản, không có người làm chứng, ngoài chứng từ chuyển khoản và Giấy cam kết trả nợ ngày 02/12/2018 thì bà và ông X không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác. Bản thân bà nhất trí với toàn bộ yêu cầu độc lập và quan điểm trình bày tại Tòa án của ông Hoàng Nam X.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của ông Nguyễn Khánh C đối với bà Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T.

3. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T: Giao cháu Nguyễn Khánh L – Sinh ngày: 26/8/2010 và cháu Nguyễn Bảo K – Sinh ngày 23/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L và cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Khánh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản và công nợ: Ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A số tiền 2.202.436.438đ (Hai tỷ hai trăm linh hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) (Trong đó, tiền nợ gốc là: 1.851.000.000đ; tiền nợ lãi phát sinh là: 351.436.438đ) và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

**6. Kiến nghị, khắc phục:** Việc Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 là vi phạm thủ tục tố tụng. Kiến nghị HĐXX hủy bỏ Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**7. Về án phí; Quyền kháng cáo:** Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phần đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.**

- Ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông Nguyễn Khánh C khởi kiện bà Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn và giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T cùng ĐKKHTT và cư trú tại thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Nam X nộp đơn yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T, theo đó ông X đề nghị Tòa án buộc ông C và bà T phải thanh toán cho ông khoản nợ gốc theo Giấy cam kết trả nợ ngày 02/12/2018 là 1.880.000.000đ. Xét thấy yêu cầu nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 28/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý và tiến hành giải quyết yêu cầu độc lập nêu trên theo quy định của pháp luật.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả

hai đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, không thể hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C và bà T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang công nhận thuận tình ly hôn giữa ông C và bà T. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, thể hiện nội dung: Vợ chồng ông C, bà T mâu thuẫn với nhau từ năm 2017 với lý do có nhiều quan điểm trái ngược, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn kinh tế. HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà T mâu thuẫn trầm trọng, đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy sự thỏa thuận của ông C và bà T hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T là phù hợp.

**[3] Về con chung:** Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung.

- Cháu Nguyễn Khánh L – Sinh ngày: 26/8/2010.

- Cháu Nguyễn Bảo K – Sinh ngày 23/11/2015.

Ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T cùng có nguyện vọng sau khi ly hôn, sẽ giao cháu Nguyễn Khánh L và cháu Nguyễn Bảo K cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

HĐXX nhận thấy: Cháu Nguyễn Bảo K đang ở độ tuổi còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Bà T có nơi cư trú rõ ràng; hiện tại, vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu ăn học đầy đủ nên đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho các con. Cháu Nguyễn Khánh L có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị T. Nguyện vọng của cháu L cũng phù hợp với nguyện vọng của ông C, bà T. Do đó, sự thỏa thuận của ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T về việc nuôi con chung là có căn cứ, cần chấp nhận.

Giao cháu Nguyễn Khánh L – Sinh ngày: 26/8/2010 và cháu Nguyễn Bảo K – Sinh ngày 23/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L và cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Khánh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

**[4] Về tài sản chung và công nợ:** Ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với khoản nợ của ông Hoàng Nam X, cả ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T đều xác định đó là công nợ riêng của bà Nguyễn Thị T. Ngày 28/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X theo quy định của pháp luật.

#### **[5] Về yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X.**

Ngày 15/6/2021, Tòa án nhận được Đơn yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X đối với ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T. Ông X yêu cầu ông C và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông X số tiền còn nợ theo Giấy cam kết trả nợ ngày 02/12/2018 là 1.880.000.000đ. Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập số: 02/TB-TLVA ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A đều khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018, ông Hoàng Nam X đã nhiều lần cho ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T vay tiền (là tài sản chung của ông X và bà T1) bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của ông C, bà T và cho vay trực tiếp bằng tiền mặt. Những lần giao dịch nêu trên, các bên đều không lập văn bản cũng không có người làm chứng. Tổng số tiền ông C, bà T vay của ông X là 3.638.600.000đ. Ông C, bà T cũng đã nhiều lần trả tiền cho ông X, hiện còn nợ lại 1.880.000.000đ. Ngày 02/12/2018, bà T đã viết Giấy cam kết trả nợ với nội dung: Bà T và ông C sẽ thanh toán cho ông X và bà T1 số tiền 1.880.000.000đ. Từ sau khi cam kết đến tháng 4/2020, ông C, bà T thanh toán cho ông X số tiền 29.000.000đ. Số tiền ông C và bà T còn nợ của ông X là 1.851.000.000đ. Do vậy, yêu cầu ông C và bà T phải thanh toán cho ông X và bà T1 số tiền còn nợ lại là 1.851.000.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày 22/4/2020 đến 16/3/2022 là 693 ngày với lãi suất 10%/năm.

Quan điểm của ông Nguyễn Khánh C: Ông Nguyễn Khánh C không thừa nhận việc vay mượn tiền của ông Hoàng Nam X là công nợ chung. Ông C xác định đó là công nợ riêng của bà T. Hai vợ chồng ông C, bà T không thống nhất được với nhau về việc làm ăn kinh tế, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã tách nhau làm ăn riêng từ lâu nên việc kinh doanh của bà T là kinh doanh riêng. Do vậy, ông Nguyễn Khánh C không có trách nhiệm thanh toán khoản nợ của ông X cùng bà T.

Bà Nguyễn Thị T thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018, do cần tiền vốn để làm ăn nên bà T đã nhiều lần vay tiền của ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A (do ông X đứng ra trực tiếp thỏa thuận, trao đổi, giao dịch). Tổng số tiền 1.880.000.000đ. Sau khi vay tiền, bà T đã nhiều lần trả tiền cho ông X. Ngày 02/12/2018, bà T và ông X chốt số tiền còn nợ lại là 1.880.000.000đ và bà T đã viết Giấy cam kết trả nợ với nội dung: Bà T sẽ thanh toán cho ông X và bà T1 số tiền 1.880.000.000đ. Từ sau khi cam kết đến tháng 4/2020, bà T thanh toán cho ông X số tiền 29.000.000đ. Số tiền bà T còn nợ của ông X là 1.851.000.000đ. Khoản tiền bà T vay của ông X không liên



quan đến ông C. Do vậy, bà T nhất trí thanh toán cho ông X và bà T1 số tiền còn nợ lại là 1.851.000.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày 22/4/2020 đến 16/3/2022 là 693 ngày với lãi suất 10%/năm.

Tòa án xét thấy: Thực tế có việc vay mượn tiền và tổng số tiền vay, tổng số tiền đã thanh toán như các bên đã khai nhưng khi thỏa thuận vay mượn và thanh toán các bên không lập giấy tờ văn bản gì, cũng không có ai làm chứng. Việc vay tiền thể hiện qua những hóa đơn, chứng từ chuyển khoản và sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị T. Trong quá trình giao dịch, ông X và bà T1 (bà T1 chuyển tiền theo yêu cầu của ông X) đều chuyển tiền tới số tài khoản 81012070000994 và số tài khoản 017577160001 - chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị T. Ngoài ra, ông X còn chuyển tiền đến những số tài khoản do bà Nguyễn Thị T yêu cầu (Số tài khoản 001123020001 - chủ tài khoản là ông Ma Khánh Duy; Số tài khoản 017513290001 - chủ tài khoản là ông Vũ Quang Dũng; Số tài khoản 001120140001 - chủ tài khoản là ông Vũ Mạnh Hùng; Số tài khoản 005117570001 - chủ tài khoản là bà Trần Thị Lan Hương). Các chủ tài khoản nêu trên đều khẳng định: Số tiền nhận chuyển khoản từ ông X và bà T1 đều không liên quan đến ông C và ông C cũng không nhờ nhận chuyển khoản hộ. Các chủ tài khoản nhận tiền hộ cũng thừa nhận không quen biết ông C và những người này sau khi nhận được tiền đều đã chuyển lại đủ số tiền đã nhận cho bà T. Đối với số tiền 280.000.000đ ông X cho vay bằng tiền mặt vào ngày 24/5/2018, ông X thừa nhận số tiền này ông X đưa trực tiếp cho bà T vì đã được sự thống nhất, thỏa thuận với ông C nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh là có sự đồng ý, thỏa thuận của ông C. Khi giao tiền, ông X và bà T cũng không lập giấy tờ, biên nhận hay có người làm chứng. Bà T và ông C đều khẳng định: Toàn bộ số tiền nói trên là cá nhân bà T vay của ông X, ông C không thỏa thuận gì với ông X và cũng không liên quan gì đến số tiền trên.

Mặt khác, tại Đơn xin rút đơn tố cáo ghi ngày 02/12/2018 của ông Hoàng Nam X thể hiện: “...Ngày 12/11/2018, tôi có làm đơn tố cáo và đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra; điều tra đối với hành vi vi phạm pháp luật của: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm: 1987. ... Chúng tôi đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau về việc chị Thảo hứa khắc phục hậu quả và có trách nhiệm trả lại tôi số tiền chị Thảo đã vay của tôi...”. Như vậy, ý chí chủ quan của ông Hoàng Nam X khẳng định một mình bà Nguyễn Thị T vay tiền của ông và có trách nhiệm thanh toán tiền vay cho ông X chứ không phải là cả hai vợ chồng ông C và bà T cùng vay tiền và chịu trách nhiệm trả nợ.

Đối với Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 02/12/2018 thể hiện: Bà Nguyễn Thị T vay của bà Phạm Thị Hồng A và ông Hoàng Nam X tổng số tiền 1.880.000.000đ (tính đến ngày 02/12/2018). Do khả năng tài chính chưa có để trả ngay toàn bộ số tiền trên cho ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A. Bà Nguyễn Thị T cam kết: Trong năm 2019, bà T cam kết trả cho ông X, bà T1 số tiền 280.000.000đ; Số tiền 1.600.000.000đ, bà T sẽ trả cho ông X, bà T1 trong thời gian 05 năm tiếp theo.

Xét thấy, ông Hoàng Nam X, bà Phạm Thị Hồng A, bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 02/12/2018 được các bên thỏa thuận và bà T ký cam kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự. Do đó, Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 02/12/2018 hợp pháp, có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình tại Giấy cam kết trả nợ đã ký kết. Ông Nguyễn Khánh C không ký kết đối với Giấy cam kết trả nợ trên. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 15/7/2021, ông Lê Ngọc Trung (là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hoàng Nam X) trình bày: “*Anh C không trực tiếp ký vào giấy cam kết trả nợ ngày 02/12/2018 nhưng nội dung của Giấy cam kết trả nợ thì anh C đã đồng ý và thống nhất thông qua*”. Ông X cho rằng, ông C đã đồng ý, thống nhất với Giấy cam kết trả nợ thì phải có đồng trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho ông X nhưng ông X không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông C đã đồng ý và thống nhất nên không có căn cứ để chứng minh ông C đồng ý, thống nhất với Giấy cam kết trả nợ của bà Nguyễn Thị T. Mặt khác, bà Nguyễn Thị T thừa nhận Giấy cam kết trả nợ là do bà T tự thỏa thuận với ông X, bà T1 và không liên quan gì đến ông Nguyễn Khánh C. Ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc ông Nguyễn Khánh C có thỏa thuận với bà Nguyễn Thị T và có thỏa thuận với ông Hoàng Nam X để bà Nguyễn Thị T vay tiền của ông X hay nhận có đồng trách nhiệm trả nợ cùng bà T. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A về việc ông Nguyễn Khánh C phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị T thanh toán số tiền nợ, mà chỉ có đủ cơ sở kết luận: Bà Nguyễn Thị T – Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang có vay của ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A – Cùng trú tại địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tổng số tiền 3.638.600.000đ, đã thanh toán được số tiền 1.787.600.000đ, số tiền còn nợ lại là 1.851.000.000đ (Một tỷ tám trăm năm mươi một triệu đồng).

Về lãi suất: Theo Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 02/12/2018 thể hiện các bên không thỏa thuận lãi suất. Các đương sự thống nhất thời điểm bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán là từ ngày 22/4/2020. Do vậy, xác định thời điểm bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay của ông Hoàng Nam X, bà Phạm Thị Hồng A là từ ngày 22/4/2020. Tính đến thời điểm khởi kiện, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Ông Hoàng Nam X yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày 22/4/2020 đến 16/3/2022 là 693 ngày với lãi suất 10%/năm. Bà Nguyễn Thị T nhất trí với cách tính lãi suất của ông Hoàng Nam X. Hội đồng xét xử xét thấy, khi các bên cho nhau vay tiền không thỏa thuận tính lãi suất và thời hiệu khởi kiện của vụ án vẫn còn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Do vậy, cần chấp nhận tính lãi suất khoản tiền bà T đã vay của ông X, bà T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 468 với mức lãi suất là 10%/năm và thời gian tính lãi suất là 693 ngày là có căn cứ và phù hợp với quan điểm của các đương sự. Số tiền lãi phát sinh kể từ thời

điểm bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến thời điểm xét xử là:  $1.851.000.000đ \times 693 \text{ ngày} \times (10\%/365)/\text{ngày} = 351.436.438đ$  (Ba trăm năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại là 2.202.436.438đ (Hai tỷ hai trăm linh hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A số tiền 2.202.436.438đ (Hai tỷ hai trăm linh hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) (Trong đó, tiền nợ gốc là: 1.851.000.000đ; tiền nợ lãi phát sinh là: 351.436.438đ) và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

**[6] Về án phí:**

- Ông Nguyễn Khánh C là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 2.202.436.438đ theo yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là:  $72.000.000đ + (2.202.436.438 \times 2\%) = 76.048.728đ$ .

- Yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X được Tòa án chấp nhận nên ông Hoàng Nam X không phải chịu án phí. Trả lại cho ông Hoàng Nam X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.200.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0003899 ngày 22/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**[7] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**[8] Các vấn đề khác:**

Ngày 04/5/2021, Tòa án nhận được Đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Trọng đối với ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T. Bà Trọng yêu cầu ông Khánh C và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Trọng số tiền 465.125.000đ (Trong đó: Tiền nợ gốc là: 305.000.000đ; Tiền lãi phát sinh là: 160.125.000đ).

Tòa án đã thụ lý yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Trọng theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập số: 01/TB-TLVA ngày 14/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 18/10/2021, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Trọng là ông Ngô Quang Định đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Trọng đối với ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T. Tòa án đã đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Trọng theo Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến kiến nghị, khắc phục đối với việc Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 là vi phạm thủ tục tố tụng. Kiến nghị HĐXX hủy bỏ Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

HĐXX xét thấy, tuy việc ban hành Quyết định đình chỉ số: 82/2021/QĐST-DS ngày 18/10/2021 chưa đảm bảo quy định về thủ tục tố tụng dân sự nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; Việc rút đơn khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện; Các đương sự đều nhất trí với nội dung Quyết định đình chỉ nêu trên, không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, đã có hiệu lực thi hành nên không nhất thiết đề nghị hủy bỏ mà cần rút kinh nghiệm trong việc tiến hành tố tụng của cá nhân Thẩm phán đã ban hành Quyết định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 55; Điều 57; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 201; Điều 202; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 6 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của ông Nguyễn Khánh C đối với bà Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T.

3. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Khánh C và bà Nguyễn Thị T: Giao cháu Nguyễn Khánh L – Sinh ngày: 26/8/2010 và cháu Nguyễn Bảo K – Sinh ngày 23/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L và cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Khánh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

#### 4. Về yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Nam X đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T – Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Nam X và bà Phạm Thị Hồng A (Ông X và bà T1 cùng trú tại: Tổ dân phố T1, thị trấn S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) số tiền 2.202.436.438đ (Hai tỷ hai trăm linh hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) (Trong đó, tiền nợ gốc là: 1.851.000.000đ; tiền nợ lãi phát sinh là: 351.436.438đ).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

#### 5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Khánh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2021/0001699 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của C cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Ông Nguyễn Khánh C đã nộp đủ tiền án phí).

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 76.048.728đ (Bảy mươi sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Hoàng Nam X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Hoàng Nam X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.200.000đ (Ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0003899 ngày 22/6/2021 của C cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

#### 4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Nam X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2022).

Ông Nguyễn Khánh C, bà Phạm Thị Hồng A, ông Nguyễn Anh Đức, ông Lê Ngọc Trung có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS huyện Sơn Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**